TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2017
V/v tranh chấp "xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN THANH TRIỀU**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**.

2. Ông **TỐNG VĂN TƯ**.

- *Thư ký phiên toà*: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 538/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1959 (Có mặt).

- Địa chỉ: Số 533, Tổ E, ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- Hiện cư trú tại: Chùa K, ấp I, xã K, huyện Q, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn**: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 533, Tổ E, ấp N, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày**: Bà và ông N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1977, hôn nhân của ông bà được xây dựng trên cơ sở mai mối và có sự sắp đặt trước của gia đình, ông bà không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tình tình, ông N sống rất gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay.

- Về con chung: Ông bà có 04 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh năm 1978; Trần Văn D, sinh năm 1980; Trần Thị Thu S, sinh năm 1982; Trần Thị Thu B, sinh năm 1990. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung là nhà và đất nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn Trần Văn N trình bày**: Về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung ông thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị C. Ông cho rằng trong quá trình chung sống vợ ông có bệnh tâm thần có giấy chứng nhận của bệnh viện, vợ ông nhiều lần đi điều trị tại bệnh viện tâm thần tại tỉnh Tiền Giang, vợ ông nhiều lần bỏ nhà đi, ông cùng các con phải đi tìm về chăm sóc, hiện nay vợ ông điều trị bệnh đã giảm. Tuy nhiên, khả năng nhận thức của vợ ông còn hạn chế không được minh mẫn như người bình thường, đến tháng 5 năm 2017 vợ ông tiếp tục bỏ nhà đi ông đã nhiều lần khuyên yêu cầu vợ ông về nhà để ông và con tiếp tục chăm sóc cho vợ ông nhưng vợ ông không đồng ý. Do sự xúi giục của người khác nên vợ ông đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn.

Nay vợ ông xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Vì sau khi ly hôn thì sẽ không có ai chăm sóc cho vợ ông khi phát bệnh, vợ ông có yêu cầu ông phải trả tiền công lao động trong quá trình hôn nhân là không có căn cứ, bởi vợ ông sống chung lao động tạo ra tài sản để nuôi con, vợ ông bị bệnh tâm thần từ năm 24 tuổi đến nay cũng không có công sức đóng góp nhiều trong gia đình, ông không đồng ý ly hôn để ông và các con tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc chữa bệnh cho vợ ông, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông không có bạo hành vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân của bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N được xác lập vào năm 1977, hôn nhân của ông bà trên cơ sở mai mối, bà và ông N không có đăng ký kết hôn, căn cứ theo luật hôn nhân và gia đình năm 1985, cho thấy mối quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N phù hợp với các Điều 8, 9 luật hôn nhân gia đình và nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của bà C nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tình tình, ông N sống rất gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà và ông N đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Đối với ông Trần Văn N tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông không đồng ý ly hôn, ông cho rằng còn thương vợ thương con, trong thời gian

vợ chồng sống chung do ông có nóng giận hành hung vợ ông, ông cũng biết lỗi, nay ông yêu cầu được đoàn tụ vì vợ ông bà N có tiền sử bệnh tâm thần, ông sợ sau khi ly hôn không ai chăm sóc vợ ông.

Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn N đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Văn N.

- Về con chung: Ông bà có 04 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh năm 1978; Trần Văn D, sinh năm 1980; Trần Thị Thu S, sinh năm 1982; Trần Thị Thu B, sinh năm 1990. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung là nhà và đất nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 8, 9, 51 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Văn N.

- Về con chung: Ông bà có 04 người con chung tên Trần Thị Thu T, sinh năm 1978; Trần Văn D, sinh năm 1980; Trần Thị Thu S, sinh năm 1982; Trần Thị Thu B, sinh năm 1990. Hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung là nhà và đất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07241 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như bà C nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Triều